

**PHỤ LỤC 2**  
**THỐNG KÊ HỌC SINH VÀ KINH PHÍ TỪ NĂM 2023 ĐẾN 2025**

(Kèm theo Công văn số: /SGDDĐT-GDNNQLĐT ngày /01/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi)

ĐVT: Đồng

TT	NỘI DUNG CHI/ TRƯỜNG ĐH, CĐ	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng		Ghi chú
		Số học sinh	Số tiền	Số học sinh	Số tiền	Số học sinh	Số tiền	Số học sinh	Số tiền	
<b>I</b>	<b>ĐH Phạm Văn Đồng</b>								<b>11.571.622.200</b>	
<b>1</b>	<b>Kinh phí đào tạo</b>	47	1.702.586.000	40	1.883.000.000	49	1.946.000.000	<b>136</b>	<b>5.531.586.000</b>	
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ trực tiếp cho lưu học sinh</b>								<b>6.040.036.200</b>	
<b>2.1</b>	Trang cấp ban đầu	16	71.672.000	16	91.480.000	16	92.800.000	<b>48</b>	<b>255.952.000</b>	
<b>2.2</b>	Sinh hoạt phí	47	2.561.850.000	40	3.094.270.000	49	2.964.200	<b>136</b>	<b>5.659.084.200</b>	
<b>2.3</b>	Chi phí đi lại	16	32.000.000	16	45.000.000	16	48.000.000	<b>48</b>	<b>125.000.000</b>	
<b>II</b>	<b>ĐH Tài chính</b>								<b>2.379.280.000</b>	
<b>1</b>	<b>Kinh phí đào tạo</b>	10	258.000.000	10	454.280.000	10	281.000.000	<b>30</b>	<b>993.280.000</b>	
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ trực tiếp cho lưu học sinh</b>	10	436.000.000	10	570.000.000	10	380.000.000	<b>30</b>	<b>1.386.000.000</b>	
<b>2.1</b>	Trang cấp ban đầu	-	-	0	-	-	-	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>2.2</b>	Sinh hoạt phí	10	436.000.000	10	570.000.000	10	380.000.000	<b>30</b>	<b>1.386.000.000</b>	
<b>2.3</b>	Chi phí đi lại	-	-	-	-	-	-	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>III</b>	<b>Cao đẳng Quảng Ngãi</b>								<b>2.116.000.000</b>	
<b>1</b>	<b>Kinh phí đào tạo</b>	12	552.000.000	18	828.000.000	16	736.000.000	<b>46</b>	<b>2.116.000.000</b>	
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ trực tiếp cho lưu học sinh</b>	-	-	-	-	-	-	<b>0</b>	<b>0</b>	



<b>1</b>	<b>Kinh phí đào tạo</b>								<b>10.863.860.000</b>	
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ trực tiếp cho lưu học sinh</b>								<b>10.092.216.200</b>	

